**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HÀNG HẢI**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thủ tục** | **Văn bản QPPL quy định TTHC** | **Cơ quan có thẩm quyền thực hiện** | **Công bố TTHC** | **Mã số TTHC** | **Mức độ DVCTT** |
| 1 | Tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.002349 | Một phần |
| 2 | Tàu biển rời cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.004332 | Một phần |
| 3 | Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài vào cảng và tàu biển nước ngoài đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải  Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.004312 | Một phần |
| 4 | Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải  Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.004304 | Một phần |
| 5 | Chấp thuận tiến hành tháo bỏ niêm phong hoặc việc bơm thải các chất thải, nước bẩn qua những van hoặc thiết bị của tàu thuyền | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải | QĐ 1609/QĐ-BGTVT ngày 01/06/2017 | 1.004293 |  |
| 6 | Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cục Hàng hải Việt Nam  Cảng vụ Hàng hải | QĐ 1609/QĐ-BGTVT ngày 01/06/2017 | 1.004276 |  |
| 7 | Công bố thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải | QĐ 1609/QĐ-BGTVT ngày 01/06/2017 | 1.004058 |  |
| 8 | Chấp thuận tiến hành các hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải (gồm các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước, tàu thuyền chuyên dùng để nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cẩu nổi và các thiết bị công trình khác). | Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải | QĐ 1609/QĐ-BGTVT ngày 01/06/2017 | 1.004053 |  |
| 9 | Tàu biển nhập cảnh | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải  Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.004028 | Một phần |
| 10 | Tàu biển xuất cảnh | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải  Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.004004 | Một phần |
| 11 | Tàu biển nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải  Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.003978 | Một phần |
| 12 | Tàu biển xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải  Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.003934 | Một phần |
| 13 | Tàu biển quá cảnh | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải  Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 2.001655 | Một phần |
| 14 | Tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ quốc tịch của quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh cảng biển tại khu vực biên giới của Việt Nam với quốc gia đó | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải  Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 |  |  |
| 15 | Tàu biển hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển và tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP) | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải  Biên phòng cửa khẩu | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.003829 | Một phần |
| 16 | Tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP) và tàu biển đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam mà không chở hành nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc không có hành khách thuyền viên mang quóc tịch nước ngoài | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải  Biên phòng cửa khẩu | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.003785 | Một phần |
| 17 | Tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 2.001580 |  |
| 18 | Thủ tục cho phương tiện thủy nội địa vào cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB) | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.003391 |  |
| 19 | Thủ tục cho phương tiện thủy nội địa rời cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB) | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.003286 |  |
| 20 | Chấp thuận thực hiện sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền hoặc thực hiện các hoạt động hàng hải khác trong vùng nước cảng biển nếu có ảnh hưởng đến phương án phòng, chống cháy, nổ | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 | Cảng vụ Hàng hải | QĐ 1609/QĐ-BGTVT ngày 01/06/2017 | 1.003265 |  |
| 21 | Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo | Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT ngày 21/2/2017 | Cảng vụ Hàng hải |  | 2.00795 |  |
| 22 | Thẩm định đánh giá an ninh cảng biển | Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14/4/2011 | Cảng vụ Hàng hải |  | 1.001084 |  |
| 23 | Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm | Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 | Cục Hàng hải Việt Nam  Cảng vụ Hàng hải  Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển |  | 1.002771 | Toàn trình |
| 24 | Cấp giấy phép vận tải nội địa cho tàu biển nước ngoài | Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT | Cục Hàng hải Việt Nam  Cảng vụ Hàng hải | Quyết định 2180/QĐ-BGTVT ngày 10/10/2018 | 1.004261 | Toàn trình |
| 25 | Xác nhận kháng nghị hàng hải | Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT | Cảng vụ Hàng hải | Quyết định 1473/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2017 | 1.002372 |  |
| 26 | Thủ tục Đăng ký và cấp sổ thuyền viên | Thông tư 23/2017/TT-BGTVT ngày 28/7/2017 | Cục Hàng hải Việt Nam. Chi cục Hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh, các Cảng vụ Hàng hải được Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam ủy quyền | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.002788 | Một phần |
| 27 | Cấp lại sổ thuyền viên | Thông tư 23/2017/TT-BGTVT ngày 28/7/2017 | Cục Hàng hải Việt Nam. Chi cục Hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh, các Cảng vụ Hàng hải được Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam ủy quyền | QĐ 2380/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2017 | 1.002787 | Một phần |
| 28 | Phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông | Nghị định 159/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa | Cục Hàng hải Việt Nam  Cảng vụ Hàng hải |  | 2.001865 |  |
| 29 | Phê duyệt phương án phá dỡ tàu | Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 | Cục Hàng hải Việt Nam  Cảng vụ Hàng hải | Quyết định 2304/QĐ-BGTVT ngày 11/12/2019 | [1.000892](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=1318) |  |
| 30 | Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển | Nghị định số [69/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-69-2022-nd-cp-sua-doi-cac-nghi-dinh-hoat-dong-kinh-doanh-linh-vuc-hang-hai-530387.aspx) ngày 23/9/2022 | Cục HHVN, Cảng vụ HH | Quyết định 1322/QĐ-BGTVT ngày 10/10/2022 | 1.001899 | Toàn trình |
| 31 | Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải | Nghị định số [74/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-74-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-phan-cap-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-581998.aspx) ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải | Cục HHVN, Cảng vụ HH | Quyết định số 1418/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2023 | 1.004123 | Toàn trình |
| 32 | Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng | Nghị định số [74/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-74-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-phan-cap-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-linh-vuc-hang-hai-581998.aspx) ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải | Cục HHVN, Cảng vụ HH | Quyết định số 1418/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2023 | 1.002249 | Toàn trình |